

THÀNH ỦY HÀ NỘI

\*

Số 05-CTr/TU

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2021

## CHƯƠNG TRÌNH

**Đẩy mạnh công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn Thành phố Hà Nội, giai đoạn 2021-2025.**

-----

### Phần thứ nhất

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2015-2020

### I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

#### 1. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch

*Công tác quy hoạch:* Tiếp tục triển khai, cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, công tác quy hoạch trên địa bàn Thành phố được triển khai với quy mô khối lượng lớn và phạm vi rộng, tỷ lệ diện tích phủ kín của các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đạt 86%. Việc tổ chức thẩm định và phê duyệt đã được quy định chặt chẽ, cụ thể hơn. Chất lượng quy hoạch được nâng cao, tạo lập không gian kiến trúc cảnh quan Thủ đô văn minh, hiện đại, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, lịch sử.

*Công tác quản lý quy hoạch:* Các đồ án quy hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố, bàn giao theo quy định là cơ sở cung cấp định hướng phát triển đô thị, kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố; đồng thời, là cơ sở để cung cấp thông tin, chứng chỉ quy hoạch, triển khai các dự án đầu tư xây dựng công trình, tuyến đường, cấp phép xây dựng, từng bước chỉnh trang, xây dựng diện mạo kiến trúc đô thị, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trên toàn Thành phố. Công tác quản lý quy hoạch, xây dựng và quản lý đất đai, quản lý đô thị, trật tự xây dựng, kỷ cương văn minh đô thị được chú trọng, ngày càng chặt chẽ, đạt kết quả tích cực. Hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được quan tâm đầu tư, một số công trình, dự án quy mô lớn, hiện đại được hoàn thành và khởi công.

#### 2. Công tác quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường

##### 2.1. Công tác quản lý, sử dụng tài nguyên

*Công tác quản lý đất đai:* Công tác quy hoạch sử dụng đất được thực hiện theo đúng chỉ tiêu sử dụng đất được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; quá trình

tổ chức thực hiện đồng bộ từ Thành phố đến các quận, huyện, thị xã, các phường án quy hoạch sử dụng đất phù hợp góp phần khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai; Công tác giải phóng mặt bằng, thu hồi đất được tập trung thực hiện; nhiều công trình giao thông, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, thiết chế công được hoàn thành. Nhiều khu đô thị mới, khu nhà ở, khu công nghiệp, trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí được hình thành; khu vực dân cư nông thôn được chỉnh trang, góp phần đáng kể làm tăng giá trị quyền sử dụng đất, tăng nguồn thu cho ngân sách từ đất (*nguồn thu từ đất hàng năm khoảng 25.000 - 35.000 tỷ đồng, chiếm khoảng 15% tổng nguồn thu ngân sách Thành phố*). Công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đăng ký đất đai lần đầu cho các hộ gia đình, cá nhân khu vực dân cư được tập trung thực hiện, góp phần đáp ứng các mục tiêu ổn định cuộc sống của người dân; quản lý Nhà nước về đất đai, nhà ở trên toàn Thành phố; từng bước hình thành thị trường bất động sản lành mạnh; tăng nguồn thu cho ngân sách Thành phố. Công tác xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn Thành phố được tích cực triển khai, phân đấu hoàn thành theo kế hoạch đưa vào sử dụng vào quý IV/2021 để phục vụ công tác quản lý đất đai trên địa bàn Thành phố. Công tác thanh tra, kiểm tra, thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra xử lý các dự án chậm triển khai, quy hoạch treo, sử dụng sai mục đích, quản lý và sử dụng đất nông nghiệp, nông nghiệp công ích, đất công trên địa bàn các quận, huyện, thị xã có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật được tập trung chỉ đạo, thực hiện.

*Công tác quản lý tài nguyên khoáng sản:* Tổ chức lập Đề án thăm dò đánh giá trữ lượng mỏ cát phục vụ đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại 23 điểm mỏ; tổ chức thanh kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản, cải tạo phục hồi môi trường; Thành phố đã xây dựng phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, quy hoạch sử dụng cát sỏi, quy hoạch thăm dò khai thác, sử dụng khoáng sản; Thành phố đã ký kết và thực hiện Quy chế phối hợp trong công tác quản lý, bảo vệ cát, sỏi lòng sông tại khu vực giáp ranh giữa Hà Nội và các tỉnh Phú Thọ, Hưng Yên, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên.

*Công tác quản lý tài nguyên nước:* Thực hiện thống kê hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất, xả nước thải vào nguồn nước; Thành phố đã phê duyệt Danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn thành phố Hà Nội. Hiện nay đã có 05 đơn vị được cấp phép khai thác nước dưới đất lắp đặt trạm quan trắc tự động truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để giám sát liên tục.

*Công tác quản lý tài nguyên rừng:* Không để xảy ra phá rừng, những vụ cháy rừng đã được hạn chế, phát hiện sớm và dập tắt kịp thời. Diện tích rừng trồng mới đạt 1.586,71ha (*rừng sản xuất là 1.271ha; rừng phòng hộ là 369,71ha*); chăm sóc rừng trung bình khoảng 2.186,88ha. Diện tích rừng phòng hộ, rừng

đặc dụng được giao khoán hằng năm khoảng 6.400 ha. Gắn với phong trào Tết trồng cây, hằng năm, toàn Thành phố đã trồng được từ 600.000 đến 878.0000 cây xanh phân tán (*khoảng 300.000 - 440.000 cây bóng mát, lấy gỗ và hơn 400.000 cây ăn quả các loại*). Giá trị và chất lượng của rừng ngày một nâng cao, góp phần tăng nguồn thu từ rừng, tạo việc làm và góp phần xóa đói, giảm nghèo, ổn định đời sống cho nhân dân sống trong rừng và gần rừng.

## **2.2. Công tác bảo vệ môi trường**

Công tác thanh tra, kiểm tra về môi trường được tập trung thực hiện, xử lý vi phạm hành chính với tổng số tiền phạt là 61,1 tỷ đồng; 03/03 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng mới phát sinh trên địa bàn hoàn thành việc xử lý ô nhiễm môi trường; tập trung triển khai thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường nước 90 hồ tại khu vực nội thành và 44 hồ tại khu vực ngoại thành; đã kêu gọi các tổ chức, cơ quan nghiên cứu các giải pháp xử lý cải thiện ô nhiễm các sông của Thành phố; đã xây dựng 06 nhà máy XLNT sinh hoạt với tổng công suất khoảng 276.300 m<sup>3</sup>/ngày đêm đáp ứng được khoảng 28,8% tổng lưu lượng nước thải phát sinh.

Hiện nay, 100% khu công nghiệp đang hoạt động đã xây dựng và vận hành trạm xử lý nước thải tập trung; 26/43 (đạt tỷ lệ 60,5%) Cụm công nghiệp đang hoạt động có trạm xử lý nước thải tập trung; 100% các bệnh viện tư nhân có hệ thống xử lý nước thải; 27/28 (đạt tỷ lệ 96,42 %) bệnh viện do Thành phố quản lý có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Quản lý vận hành 35 trạm quan trắc không khí tự động, 06 trạm quan trắc nước mặt, 01 trạm quan trắc nước rác tại Khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn, 01 xe quan trắc không khí lưu động; đã tiếp nhận, giám sát dữ liệu của 06 trạm quan trắc nước dưới đất; 37 trạm quan trắc nước thải, 02 trạm quan trắc khí thải của các khu, cụm công nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ lớn; 04 trạm quan trắc nước sạch; đang triển khai dự án đầu tư hoàn thiện mạng lưới quan trắc môi trường trên địa bàn Thành phố trong năm 2021.

Hiện nay, tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt tại các quận trung tâm thành phố đạt 100%, tại các huyện ngoại thành đạt 88-89%. 100% rác thải sinh hoạt thu gom được xử lý đúng tiêu chuẩn. Tỷ lệ chất thải y tế nguy hại được thu gom và xử lý đạt 100%. Tỷ lệ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã thống kê được khoảng 99%.

## **3. Công tác phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó biến đổi khí hậu**

Thành phố đã triển khai nhiều biện pháp đồng bộ, chủ động thực hiện tốt công tác phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó biến đổi khí hậu;

tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn, diễn tập với nhiều hình thức, nội dung phong phú; ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng lực dự báo cảnh báo thiên tai, sự cố; từng bước đầu tư củng cố cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị hiện đại; xây dựng và thực hiện các phương án, kế hoạch, dự án phòng, chống thiên tai, sự cố, ứng phó biến đổi khí hậu; lồng ghép các biện pháp trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường tham gia các sự kiện và mối quan hệ hợp tác quốc tế.

Nhận thức của chính quyền các cấp và người dân trong công tác phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó biến đổi khí hậu có nhiều thay đổi tích cực; được trang bị những kiến thức, kỹ năng cơ bản để phòng, chống thiên tai, sự cố, cứu hộ, cứu nạn, thích ứng với biến đổi khí hậu. Thiệt hại về người và tài sản do thiên tai, sự cố gây ra có xu hướng giảm theo từng năm. Giá trị, chất lượng rừng, cây xanh ngày một nâng cao, góp phần tăng nguồn thu nhập, làm đẹp cảnh quan, mỹ quan và giảm thiểu, thích ứng với biến đổi khí hậu. Thành phố đã ban hành 02 kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, đề xuất các giải pháp quản lý phát thải khí nhà kính, hội hợp với tổ chức C40 xây dựng kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu, phối hợp với Hội đồng sáng kiến địa phương toàn cầu (ICLEI) xây dựng các giải pháp giảm thiểu khí nhà kính cho Hà Nội.

## **II. HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM, NGUYÊN NHÂN**

### **1. Hạn chế, khuyết điểm**

#### ***1.1. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch***

Một số mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ trong công tác quy hoạch của Thành phố chưa đáp ứng yêu cầu về tiến độ đề ra. Việc ban hành Chương trình phát triển đô thị, công tác quy hoạch phân khu nội đô lịch sử và các đô thị vệ tinh, phát triển nhà ở xã hội, cải tạo chung cư cũ chưa đạt tiến độ; quản lý đầu tư ở một số khu đô thị mới, khu nhà ở còn bất cập. Việc di dời một số cơ sở gây ô nhiễm môi trường trong khu vực nội đô còn chậm. Công tác quản lý, phát hiện, xử lý các vi phạm trật tự xây dựng, đất đai, đô thị, môi trường có lúc, có nơi chưa đáp ứng yêu cầu, để phát sinh nhiều vụ việc phức tạp, nổi cộm, chậm được xử lý, gây bức xúc dư luận. Một số quy hoạch, dự án đầu tư chưa nhận được sự đồng thuận của người dân.

#### ***1.2. Công tác quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường***

Công tác đấu giá quyền sử dụng đất chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch; kết quả cấp Giấy chứng nhận và đăng ký kê khai đất đai lần đầu cho các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng còn thấp. Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; công tác hậu kiểm các dự án được thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất còn hạn chế; vẫn còn tình trạng dự án chậm

tiến độ đưa đất vào khai thác sử dụng, sử dụng đất sai mục đích. Tình trạng lấn, chiếm đất nông nghiệp, đất công và xây dựng công trình trái phép còn diễn ra ở một số địa phương nhưng chưa được xử lý dứt điểm. Tiến độ thực hiện dự án xây dựng tổng thể hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai Thành phố còn chậm, chưa đảm bảo thời gian so với kế hoạch đề ra. Chất lượng môi trường nước mặt sông Tô Lịch, một số đoạn sông Nhuệ - Đáy, Cầu Bây... đang suy thoái; chất lượng môi trường không khí có dấu hiệu suy thoái, nồng độ bụi tại nhiều khu vực đã vượt tiêu chuẩn cho phép; Công tác thu gom chất thải rắn sinh hoạt cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu nhưng một số khu vực nông thôn còn chưa được thu gom, xử lý triệt để, thiếu công nghệ hiện đại, chủ yếu xử lý bằng chôn lấp hợp vệ sinh; Tình trạng xả nước thải, chất thải chưa qua xử lý hoặc xử lý không đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường vào các sông, ao, hồ, kênh mương còn diễn biến phức tạp gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp; Việc triển khai xây dựng các dự án nhà máy xử lý chất thải rắn, các nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt/khu cụm công nghiệp/làng nghề còn chậm tiến độ, chưa đạt chỉ tiêu; Công tác di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, không phù hợp quy hoạch còn gặp nhiều khó khăn.

### ***1.3. Công tác phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó biến đổi khí hậu***

Thành phố thường xuyên chịu ảnh hưởng nhiều của các loại hình thiên tai như ngập lụt khi có mưa lớn, lũ rừng ngang, thiếu hụt nguồn nước; tình hình cháy, nổ, sự cố, tai nạn vẫn tiếp tục có diễn biến phức tạp; tình hình vi phạm pháp luật về đê điều, thủy lợi, phòng, chống thiên tai; phòng chống cháy nổ vẫn diễn ra ở hầu hết các địa phương. Việc ngăn ngừa, xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật còn gặp nhiều khó khăn; Nhận thức của một bộ phận người dân còn thấp; sự phối hợp giữa các cấp, các ngành chưa chặt chẽ; công tác thông tin, thông báo, báo cáo đôi lúc chưa kịp thời. Phương án, kế hoạch tại một số đơn vị xây dựng chưa cụ thể, chưa bám sát thực tế. Công tác lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương nhiều nơi chưa được quan tâm đúng mức. Kết quả thu, chi Quỹ phòng, chống thiên tai và việc huy động tối đa các nguồn lực phòng, chống thiên tai còn hạn chế. Hệ thống công trình cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ công tác ở các cấp, các ngành tuy đã từng bước được trang bị, nâng cấp nhưng chưa đáp ứng được với tình hình thực tế. Lực lượng trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai, sự cố, tìm kiếm cứu nạn và ứng phó biến đổi khí hậu các cấp, các ngành đều là kiêm nhiệm.

## **2. Nguyên nhân**

Nguyên nhân chung của những hạn chế, khuyết điểm là: Các quy định hiện hành còn có những chồng chéo, vướng mắc, bất cập, không rõ ràng, phát sinh

trong quá trình tổ chức thực hiện chưa được các cấp thẩm quyền kịp thời tháo gỡ; Công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành ở một số cấp, ngành, chính quyền địa phương chưa thực sự sâu sát, quyết liệt, chưa đạt hiệu quả cao. Ngoài ra, trong công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch; quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường; phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó biến đổi khí hậu còn một số nguyên nhân cụ thể như sau:

### **2.1. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch**

*Công tác tổ chức lập quy hoạch:* Việc xây dựng kế hoạch lập quy hoạch còn có những hạn chế, chưa dự báo được sự phức tạp trong quá trình tổ chức thực hiện. Việc đồng thời tổ chức triển khai lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch đô thị với quy mô lớn và yêu cầu cao về chất lượng là một thách thức. Một số loại hình lần đầu tổ chức thực hiện dẫn đến một số nhiệm vụ chậm tiến độ. Việc giao đơn vị nhà nước tổ chức lập quy hoạch bằng vốn ngân sách hoặc giao các doanh nghiệp có nhu cầu tài trợ cho công tác lập quy hoạch còn lúng túng. Quy định về bố trí nguồn vốn, giải ngân, quyết toán cho công tác quy hoạch còn chưa rõ ràng, chưa được các Bộ ngành hướng dẫn cụ thể. Nhiều dự án trên địa bàn phải được rà soát, khớp nối đồng bộ với các quy hoạch, dự án khác mất nhiều thời gian và khó khăn cho công tác lập, thẩm định. Việc xin ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan chưa nhận được sự đồng thuận, thống nhất, mất thời gian hoàn chỉnh hoặc phải chờ các quy hoạch liên quan để khớp nối, thống nhất. Đội ngũ tư vấn có kinh nghiệm, năng lực để tổ chức nghiên cứu lập các đề án quy hoạch có quy mô lớn là không nhiều, dẫn đến quá tải, không đảm bảo về tiến độ và chất lượng yêu cầu.

*Công tác thẩm định, trình phê duyệt:* Việc phối hợp giữa đơn vị tham mưu, giúp việc của UBND các cấp và các Sở ngành còn hạn chế. Đội ngũ cán bộ công chức quản lý nhà nước về quy hoạch kiến trúc tại các cấp còn thiếu về số lượng, hạn chế về năng lực trình độ chuyên môn dẫn đến thời gian thẩm định, trình phê duyệt còn chậm.

*Công tác công bố, thông tin quy hoạch:* Một số đề án quy hoạch sau khi được phê duyệt, việc tổ chức công bố, công khai còn chưa đảm bảo thời gian theo quy định. Việc cung cấp thông tin quy hoạch chủ yếu được thực hiện dưới hình thức giải quyết thủ tục hành chính. Hình thức công bố, thông tin quy hoạch trên các trang thông tin điện tử chưa mang lại hiệu quả cao. Thành phố chưa có địa điểm cụ thể trưng bày, triển lãm để các tổ chức, cá nhân chủ động tiếp cận các đề án quy hoạch được duyệt.

*Công tác tổ chức thực hiện theo quy hoạch:* Kinh phí bố trí cho công tác cắm mốc giới còn hạn chế; tiến độ thực hiện công tác cắm mốc giới hệ thống hạ

tầng kỹ thuật khung, các khu vực cấm xây dựng ngoài thực địa còn chậm. Nguồn lực để đầu tư, thực hiện theo quy hoạch còn hạn chế, các cơ chế để kêu gọi đầu tư (xã hội hóa, PPP) đã thu hút được các nhà đầu tư nhưng tiến độ triển khai chậm do các bất cập về trình tự thủ tục và phương án tài chính. Sự đồng thuận của cộng đồng dân cư đối với một số quy hoạch, đặc biệt là các quy hoạch về vệ sinh môi trường, xử lý chất thải rắn, xử lý nước thải, nhà tang lễ, nghĩa trang chưa cao. Việc áp dụng công nghệ thông tin còn hạn chế, chủ yếu mới chỉ kiểm soát được số lượng, tình trạng các thủ tục hành chính.

## **2.2. Công tác quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường**

*Công tác quản lý sử dụng tài nguyên:* Nguồn lực cho công tác giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật còn hạn chế; chưa rõ cơ chế giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch phục vụ công tác đấu giá quyền sử dụng đất. Chế tài xử phạt các vi phạm trong quản lý và sử dụng đất chưa có tính răn đe, ngăn ngừa vi phạm; Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, quận, huyện, thị xã trong việc thực hiện quản lý, sử dụng đất đai, xử lý các vi phạm chưa thực sự phát huy hiệu quả.

*Công tác bảo vệ môi trường:* Ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường của người dân và doanh nghiệp chưa cao, còn tình trạng đổ rác thải phế thải không đúng nơi quy định, đốt rác tự phát, không đầu tư xây dựng hệ thống xử lý môi trường hoặc có đầu tư nhưng không vận hành theo quy định... Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về môi trường ở cấp, các ngành còn chưa đáp ứng đủ số lượng; phân công chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước còn chồng chéo, chưa khoa học, hiệu quả. Năng lực tham mưu, giải quyết công việc chuyên môn của một số cán bộ, công chức còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu, công việc được giao. Việc chỉ đạo thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát, ngăn ngừa và xử lý đối với các cơ sở gây ô nhiễm chưa kịp thời, công tác xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng còn thiếu kiên quyết. Thiếu cơ chế kêu gọi đầu tư xử lý ô nhiễm môi trường; di dời cơ sở gây ô nhiễm trong làng nghề, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp làng nghề.

## **2.3. Công tác phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó biến đổi khí hậu**

Tình hình thiên tai, biến đổi khí hậu diễn ra ngày một phức tạp và khó lường. Tốc độ đô thị hóa, phát triển kinh tế, xã hội kéo theo nhiều mặt trái của xã hội. Bên cạnh đó là các nguyên nhân chủ quan do nhận thức, ý thức của chính quyền và người dân cũng cần được quan tâm, cải thiện; việc bố trí vốn ngân sách và kết hợp các nguồn tài chính nhằm đầu tư cho các công trình, dự án, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị chưa đáp ứng được nhu cầu, kế hoạch đề ra.

## Phần thứ hai

### MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

#### I. MỤC TIÊU

##### 1. Mục tiêu tổng quát

Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết và Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XVII Đảng bộ thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2020 - 2025. Phát triển Thủ đô nhanh và bền vững theo hướng đô thị xanh, thành phố thông minh, hiện đại. Đẩy mạnh công tác quy hoạch, tạo tiền đề cho các công tác quản lý đất đai, đầu tư, xây dựng, phát triển đô thị theo quy hoạch. Quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên; chú trọng tạo lập, gìn giữ và bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp. Chủ động phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó biến đổi khí hậu tạo lập môi trường sống an toàn, văn minh, hiện đại.

##### 2. Mục tiêu cụ thể

###### 2.1. Về công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch

(1) Hoàn thiện cơ chế, chính sách, nâng cao chất lượng công tác tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch và quản lý quy hoạch. Đảm bảo tính khả thi và đồng bộ giữa quy hoạch xây dựng, đô thị và các quy hoạch ngành, mạng lưới có liên quan. Đảm bảo quy hoạch đi trước một bước làm cơ sở, định hướng cho các công tác quản lý đất đai, đầu tư, xây dựng, phát triển đô thị theo quy hoạch.

(2) Tập trung phát huy tối đa các nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ lập, phê duyệt phù kín các quy hoạch xây dựng, đô thị tỷ lệ 1/2.000 và 1/5.000 phục vụ công tác quản lý trên toàn địa bàn Thành phố.

(3) Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, giám sát chặt chẽ công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, đảm bảo kỷ cương, văn minh đô thị. Xây dựng và thực hiện các biện pháp kiểm soát phát triển theo quy hoạch; kiểm soát không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị và nông thôn, giữ gìn bản sắc văn hóa Thủ đô văn minh, hiện đại.

(4) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu trong công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch. Khai thác, phát huy tối đa trí tuệ của các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các chuyên gia, nhà khoa học trong công tác quy hoạch, kiến trúc.

(5) Đẩy mạnh công tác thông tin quy hoạch. Tăng cường tổ chức triển lãm, công bố, công khai quy hoạch, tạo điều kiện hơn nữa để các tổ chức, doanh nghiệp, người dân tiếp cận với các quy hoạch được duyệt.



## *2.2. Về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường*

(1) Hoàn thiện hệ thống quản lý đất đai, phấn đấu đạt trình độ quản lý đất đai theo hướng hiện đại. Đẩy mạnh công tác đấu giá quyền sử dụng đất nhằm tăng nguồn thu từ đất. Hoàn thành giao đất dịch vụ cho các hộ gia đình, cá nhân; rút ngắn thời gian thực hiện giải phóng mặt bằng các dự án. Tăng cường thanh tra, xử lý dứt điểm vi phạm pháp luật về đất đai, quản lý và sử dụng quỹ đất công ích đúng quy định.

(2) Quản lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên nước, khoáng sản, tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong công tác quản lý tài nguyên.

(3) Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, ngăn chặn, giảm thiểu xu hướng ô nhiễm, suy thoái và nguồn gây ô nhiễm môi trường, từng bước cải thiện chất lượng môi trường đất, nước, không khí và giải quyết các vấn đề bức xúc về môi trường.

(4) Phát huy các nguồn lực hiện có để quản lý bảo vệ rừng; phát triển bền vững rừng, đất rừng phù hợp với phát triển kinh tế, xã hội, an ninh - quốc phòng của Thành phố. Giữ vững và từng bước tăng dần tỷ lệ che phủ rừng; khoanh nuôi, tái sinh và trồng bổ sung làm giàu rừng.

(5) Đẩy mạnh công tác phòng ngừa, tăng cường thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật trong quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường.

(6) Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về quản lý, bảo vệ tài nguyên, bảo vệ môi trường; thúc đẩy phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường.

## *2.3. Về công tác phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó biến đổi khí hậu*

(1) Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị với nòng cốt là lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Chủ động, nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, xử lý tình huống tạo sự chuyển biến tích cực; đảm bảo an toàn về người và tài sản, giảm thiểu mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai, sự cố gây ra; đảm bảo số lượng, chất lượng nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

(2) Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; cơ chế, chính sách phù hợp.

(3) Nâng cao nhận thức, ý thức của chính quyền các cấp và người dân để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, chống, ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, ứng phó biến đổi khí hậu.

(4) Quán triệt và thực hiện có hiệu quả phương châm “bốn tại chỗ” (*chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; vật tư, phương tiện tại chỗ; hậu cần tại chỗ*) và nguyên tắc phòng ngừa chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và có hiệu quả.

(5) Ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học. Nâng cao năng lực, từng bước chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, hướng tới đạt được các mục tiêu phát triển bền vững của Thành phố.

(6) Thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, thực hiện đồng bộ, hiệu quả các hoạt động phòng chống thiên tai, sự cố và tìm kiếm cứu nạn, ứng phó biến đổi khí hậu gắn với phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu quả đầu tư.

## II. CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

### 1. Về công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch

(1) Tỷ lệ diện tích phủ kín của các quy hoạch phân khu đô thị: 100%;

(2) Tỷ lệ phủ kín Quy hoạch xây dựng vùng huyện (*các huyện có trên 30% diện tích tích tụ nhiên nằm ngoài phạm vi phát triển đô thị*): 100%;

(3) Tỷ lệ hoàn thành rà soát, điều chỉnh các quy hoạch chung xây dựng xã 100%.

### 2. Về quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường

(1) Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn: 100%;

(2) Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý: 100%;

(3) Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường: 100%;

(4) Tỷ lệ cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề (*đang hoạt động và xây dựng mới*) có trạm xử lý nước thải: 100%;

(5) Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý: 50-55%;

(6) Diện tích cây xanh bình quân đầu người khu vực đô thị năm 2025: 7,8-8,1m<sup>2</sup>/người; tăng cường trồng hoa, cây xanh khu vực trồng ở nông thôn;

### 3. Về phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó biến đổi khí hậu

(1) Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các tuyến đê tương ứng với mực nước lũ thiết kế trên sông Hồng, sông Đà, sông Đuống, sông Đáy,...

(2) Đảm bảo thoát nước khu vực nội thành nhanh về các nguồn tiêu với trận mưa có cường độ dưới 100mm/2h (*đối với hệ thống cống*) và dưới 310mm/2 ngày (*đối với toàn bộ hệ thống*).

(3) Triển khai chống úng thẳng lợi cho khu vực ngoại thành khi có mưa dưới 300mm/3 ngày vào giữa vụ; đảm bảo an toàn công trình thủy lợi ở mức thiết kế.

(4) Kiểm chế số vụ cháy, nổ, sự cố, tai nạn xảy ra; trong đó số vụ cháy lớn, cháy nghiêm trọng, cháy lớn gây thiệt hại nghiêm trọng không quá 3% tổng số vụ cháy.

### III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

#### A. Nhiệm vụ:

#### 1. Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch

##### 1.1. Công tác quy hoạch

(1) Tập trung chỉ đạo thực hiện việc lập, hoàn chỉnh đồng bộ các loại quy hoạch:

Hoàn thành Quy hoạch Thành phố thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2045 theo Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 (*Quy hoạch tỉnh*).

Hoàn thành rà soát điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô tại các khu vực dự kiến điều chỉnh: Khu vực nội đô lịch sử; Nội đô mở rộng; Chuỗi đô thị phía Đông Vành đai 4; Chuỗi đô thị phía bắc sông Hồng; Hành lang dọc 02 bên sông Hồng; Vành đai xanh sông Nhuệ, Nôm xanh và tại khu vực các huyện đã có chủ trương xây dựng đề án đầu tư, xây dựng lên thành quận: Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng, Đông Anh.

Rà soát, điều chỉnh và bổ sung các Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật còn thiếu. Hoàn thành Quy hoạch chung không gian ngầm khu vực đô thị trung tâm. Quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quy hoạch bến xe, bãi đỗ xe, trung tâm tiếp vận và trạm dừng nghỉ trên địa bàn Thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải hoàn thành 04 đề án quy hoạch ngành quốc gia liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải gồm: Quy hoạch mạng lưới đường bộ; Quy hoạch mạng lưới đường sắt; Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay; Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

Hoàn thành phê duyệt các Quy hoạch phân khu nội đô lịch sử, Quy hoạch phân khu sông Hồng, sông Đuống và quy hoạch phân khu các đô thị vệ tinh. Thực hiện rà soát các Quy hoạch phân khu đô thị, Quy hoạch chung thị trấn đã phê duyệt theo định kỳ.

Rà soát, lập phê duyệt các quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị các khu vực quan trọng, các khu dân cư làng xóm hiện có cải tạo chỉnh trang, các khu vực hai bên tuyến đường giao thông thuộc trách nhiệm tổ chức lập của UBND Thành phố và UBND cấp huyện. Tiếp tục lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết các khu chung cư cũ trên địa bàn Thành phố.

Triển khai Thiết kế đô thị các khu vực quan trọng của Thành phố như: Khu vực nội đô lịch sử (*các quận Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng và*

*một phân quận Tây Hồ*); Khu vực hai bên sông Hồng và hệ thống cầu qua sông...; Một số trục, tuyến quan trọng trong khu vực phát triển đô thị,...

Lập, phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng các huyện (*có tỷ lệ đất ngoài phạm vi phát triển đô thị trên 30%*). Rà soát các quy hoạch chung xây dựng xã; lập, phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư nông thôn, các khu chức năng khác trên địa bàn các xã (*trung tâm xã, cụm đổi mới...*) ít nhất ở tỷ lệ 1/2.000. Triển khai lập Quy hoạch các làng nghề truyền thống, các cụm công nghiệp làng nghề kết hợp với du lịch, kinh tế nông thôn.

Lập, phê duyệt quy hoạch xây dựng các khu chức năng tại một số khu giáo dục - y tế tập trung, nghiên cứu đào tạo, công nghiệp và một số khu du lịch cấp quốc gia, khu du lịch trọng điểm nhằm thu hút đầu tư phát triển du lịch tại Ba Vì, Sơn Tây, Sóc Sơn và một số khu vực có tiềm năng phát triển du lịch khác.

(2) Chú trọng, đảm bảo đồng bộ hóa Quy hoạch xây dựng, đô thị với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch giao thông, quy hoạch mạng lưới, ngành lĩnh vực có liên quan: Nhu cầu quản lý phát triển, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới giao thông công cộng (*hướng tuyến, mạng lưới các tuyến đường, các công trình đầu mối - TOD*); mạng lưới vận tải hành khách công cộng (*bến bãi xe khách, xe tải liên tỉnh*); mạng lưới giao thông tĩnh...; Quy hoạch sử dụng đất xây dựng các công trình phòng thủ theo Quy hoạch thể trận quân sự khu vực phòng thủ thành phố Hà Nội; Nhu cầu quản lý phát triển quy hoạch tài nguyên nước; đảm bảo ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai; Nhu cầu quản lý đất lúa, đất trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp (rừng), sản xuất nông nghiệp..., đảm bảo công tác quy hoạch đi trước một bước để kiểm soát phát triển đô thị. Trong đó:

Lập Quy hoạch mạng lưới đường sắt đô thị, các điểm TOD tích hợp với sử dụng đất.

Rà soát, xây dựng mạng lưới các cơ sở y tế như: trung tâm nghiên cứu, chuyên gia công nghệ, các bệnh viện mũi nhọn, các hệ thống y tế dự phòng và chăm sóc sức khoẻ, tầm soát khám chữa bệnh, nâng cao giáo dục kiến thức y tế cộng đồng gắn liền với cơ sở y tế phường, xã đảm bảo nhu cầu nghiên cứu, đào tạo, khám chữa bệnh chất lượng cao.

Rà soát, xây dựng mạng lưới giáo dục phổ thông, giáo dục dạy nghề đảm bảo mô hình cơ sở vật chất đạt chuẩn, phát triển đa ngành nghề, chất lượng cao, văn minh, hiện đại,...; xây dựng phát triển mô hình trường đào tạo liên cấp...

Tập trung trong công tác giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, các di sản văn hoá, lịch sử, kiến trúc có giá trị, các yếu tố tự nhiên nhằm phát triển nguồn lực du lịch. Rà soát, lập đề án phát triển các khu, cụm du lịch Hương Sơn - Quan Sơn, núi Sóc - hồ Đông Quan, Vân Trì - Cổ Loa... Xây dựng các cơ sở hạ tầng du lịch,

văn hoá, thể thao đủ điều kiện tổ chức các sự kiện hàng đầu thế giới. Chú trọng cơ sở hạ tầng thể dục, thể thao nâng cao sức khoẻ cho cộng đồng.

Xây dựng Bản đồ, cơ sở dữ liệu hiện trạng và dự báo các điểm tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn Thành phố. Triển khai một số đồ án quy hoạch đặc thù theo Luật Di sản văn hóa.

Rà soát quy hoạch, nghiên cứu các khu vực công viên chuyên đề (*khoa học, thực vật...*), xây dựng các cơ chế nhằm đẩy nhanh việc đầu tư hệ thống công viên, cây xanh theo phương thức xã hội hóa...

Rà soát quy hoạch nghĩa trang, xử lý rác thải, báo cáo cấp thẩm quyền các nội dung điều chỉnh quy hoạch (nếu có) tạo thuận lợi cho việc triển khai các dự án.

Hoàn thiện, điều chỉnh phương án quy hoạch rừng trên địa bàn Thành phố làm cơ sở cắm mốc định ranh giới các loại rừng ngoài thực địa để quản lý rừng bền vững theo quy định.

(3) Xây dựng cơ sở dữ liệu hợp nhất về quản lý quy hoạch - kiến trúc - xây dựng - phát triển đô thị trên toàn địa bàn Thành phố Hà Nội.

(4) Kiểm soát chặt chẽ, thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng, đẩy nhanh tiến độ công tác thẩm định, trình phê duyệt các đồ án quy hoạch:

Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn giúp việc của Thành phố và các quận, huyện, thị xã đẩy nhanh tiến độ thẩm định, góp ý, trình phê duyệt các đồ án quy hoạch.

Kiện toàn Hội đồng thẩm định quy hoạch xây dựng Thành phố, Hội đồng tư vấn về kiến trúc và Quy chế hoạt động của các Hội đồng theo quy định hiện hành.

## ***1.2. Về công tác tổ chức thực hiện và quản lý phát triển theo quy hoạch***

(1) Đẩy mạnh công tác công bố, thông tin quy hoạch: Xây dựng Cung Quy hoạch Thành phố phục vụ công tác triển lãm, công bố công khai quy hoạch đối với các tổ chức, doanh nghiệp và người dân; Xây dựng phần mềm hệ thống thông tin quy hoạch để thực hiện việc tra cứu thông tin quy hoạch miễn phí cho người dân; đồng thời, phục vụ công tác quản lý đảm bảo đồng bộ giữa quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.

(2) Đẩy nhanh tiến độ công tác cắm mốc giới hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung và các khu vực cắm xây dựng ngoài thực địa phục vụ công tác quản lý thông tin về chỉ giới đường đỏ, quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

(3) Công tác quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch:

Hoàn thành Chương trình phát triển đô thị Thành phố. Thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm, phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển

đô thị; đảm bảo đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với phát triển nhà ở, công trình thương mại dịch vụ và các công trình đô thị khác.

Xây dựng và thực hiện các giải pháp kiểm soát dân số theo quy hoạch được duyệt, chú trọng vào các khu vực nội đô lịch sử, khu vực đô thị trung tâm.

Xây dựng, ban hành các quy chế quản lý kiến trúc đô thị, điểm dân cư nông thôn trên địa bàn Thành phố.

Tăng cường kiểm soát không gian kiến trúc cảnh quan các khu vực trên địa bàn Thành phố.

(4) Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện theo quy hoạch:

Tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ngành, quận, huyện, thị xã trong công tác quản lý, kiểm soát các hoạt động xây dựng và ngăn chặn, phòng ngừa các vi phạm trong hoạt động xây dựng. Thực hiện nghiêm công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các quy định về trật tự xây dựng của các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư xây dựng, đảm bảo nguyên tắc tất cả các công trình xây dựng phải được Thanh tra xây dựng quận, huyện, thị xã kiểm tra, giám sát theo quy định ngay từ khi khởi công đến khi hoàn thành; các vi phạm trật tự xây dựng phải được xử lý nghiêm minh, kịp thời và triệt để.

## **2. Về quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường**

(1) Rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tổng kết thi hành Luật Đất đai trên địa bàn Thành phố; tập trung thực hiện, đề xuất, kiến nghị với Thành phố bổ sung các quy định cho phù hợp với Nghị định số 148/NĐ-CP ngày 08/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, đảm bảo phù hợp thực tiễn Thành phố, khai thác sử dụng nguồn lực đất đai tiết kiệm, hiệu quả.

(2) Đề xuất các giải pháp tăng nguồn vốn đầu tư (*từ nguồn thu về đất*) cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; xây dựng cơ chế tăng cường, đa dạng hóa các nguồn vốn để tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất, tạo quỹ nhà ở tái định cư và quỹ nhà ở xã hội, trong đó bảo đảm trích tối thiểu 30% nguồn thu hàng năm từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để có kinh phí đáp ứng yêu cầu chủ động thu hồi đất, giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất.

(3) Ban hành chỉ thị về nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025.

(4) Hoàn thành phê duyệt danh mục nhà, đất phải di dời theo quy hoạch. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác di dời cơ sở ô nhiễm, không phù hợp

quy hoạch ra khỏi nội thành, kiểm soát, sử dụng các quỹ đất sau khi di dời phù hợp với chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

(5) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra quản lý, sử dụng đất đai; tập trung giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp trong lĩnh vực đất đai; xử lý nghiêm, cương quyết, dứt điểm các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai đã phát hiện, giảm thiểu các vụ việc khiếu nại, tố cáo, tranh chấp kéo dài trong lĩnh vực đất đai. Thực hiện hậu kiểm Kết luận thanh tra kết quả xử lý, khắc phục các vi phạm trong quản lý, sử dụng đất nông nghiệp, đất nông nghiệp công ích và đất công trên địa bàn Thành phố.

(6) Tập trung công tác điều tra, đánh giá thoái hóa đất, chất lượng đất, tiềm năng đất đai, phân hạng đất đai phục vụ quy hoạch phát triển bền vững thành phố Hà Nội.

(7) Vận hành hiệu quả, chia sẻ cơ sở dữ liệu đất đai, phục vụ công tác quản lý hiệu quả trong phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn Thành phố, công tác quy hoạch, phát triển đô thị, giao thông, du lịch, công nghệ.

(8) Rà soát các mục tiêu, chỉ tiêu về bảo vệ môi trường; tăng cường công tác hậu kiểm, đôn đốc các sở, ngành, địa phương hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu về môi trường theo từng lĩnh vực quản lý chuyên ngành.

(9) Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm; đảm bảo 100% cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải phục vụ di chuyển các làng nghề đang hoạt động trong khu dân cư; Triển khai thực hiện các nhiệm vụ giải pháp kiểm soát ô nhiễm không khí theo Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18/1/2021 của Thủ tướng Chính phủ về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí; Tăng cường thống kê, kiểm kê các nguồn thải, đảm bảo thu gom, xử lý chất thải đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả ra môi trường; lồng ghép việc bảo vệ chất lượng đất, nước và không khí vào các chương trình, đề án có liên quan.

(10) Triển khai công nghệ mới, xử lý cơ bản ô nhiễm môi trường nước của hệ thống hồ, ao, Đề án cải tạo môi trường sông Nhuệ - Đáy; từng bước làm sống lại các sông: Nhuệ, Đáy, Tô Lịch, Tích, Kim Ngưu, Lừ, Sét. Nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch mạng lưới thu gom, xử lý nước thải của Thành phố theo hướng nước thải đảm bảo được thu gom xử lý tại đầu nguồn, khắc phục tình trạng xử lý nước thải cuối nguồn như hiện nay. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án thoát nước và xử lý nước thải của Thành phố, đề xuất triển khai các dự án thoát nước và xử lý nước thải ưu tiên theo lưu vực.

(11) Hoàn thành điều chỉnh quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu 100% rác thải sinh hoạt trên địa bàn Thành phố được thu

gom, xử lý theo quy định. Hoàn thành và đưa vào hoạt động nhà máy điện rác Sóc Sơn công suất 4000 tấn/ngày từ quý I/2021. Khởi công Nhà máy điện rác Seraphin công suất 1.500 tấn/ngày tại Khu xử lý chất thải Xuân Sơn trong quý I/2021 và các dự án xử lý rác thải theo quy hoạch.

(12) Vận hành ổn định hệ thống quan trắc môi trường tự động; ứng dụng công nghệ hiện đại tăng cường năng lực quản lý, kiểm soát và dự báo, xây dựng kịch bản phòng, chống, xử lý ô nhiễm môi trường, an ninh nguồn nước.

(13) Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, đề án được UBND Thành phố phê duyệt; thực hiện Kế hoạch Quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20/7/2020.

(14) Tiếp tục triển khai thực hiện: Chương trình hành động số 21-CTr/TU ngày 14/5/2018 của Thành ủy thực hiện chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; đề án "*Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm, cán bộ quản lý các cấp và các chủ rừng, cộng đồng dân cư trên địa bàn thành phố Hà Nội*".

### **3. Về phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó biến đổi khí hậu**

(1) Hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách; xây dựng và triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các quy định, quy hoạch, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án của Trung ương và Thành phố.

(2) Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, tập huấn, diễn tập, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức, cảnh báo, hướng dẫn các biện pháp phòng, tránh, ứng phó, khắc phục hậu quả kịp thời đến chính quyền các cấp và cộng đồng dân cư.

(3) Nghiên cứu, bổ sung, ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác chỉ đạo, điều hành, quan trắc, dự báo, cảnh báo...

(4) Nâng cấp trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn.

(5) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trao đổi kinh nghiệm nhằm thu hút vốn đầu tư, sự ủng hộ, hỗ trợ của cộng đồng quốc tế.

(6) Đầu tư cơ sở hạ tầng: Bổ sung, sử dụng hiệu quả, đa dạng nguồn vốn đầu tư để triển khai thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, dự án của Trung ương và Thành phố đã được phê duyệt.

(7) Thực hiện Kế hoạch Quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20/7/2020. Thực hiện hiệu quả kế hoạch



thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu. Thực hiện các cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính.

## B. GIẢI PHÁP

### 1. Về công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch

*1.1. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách và các công cụ phục vụ công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch*

(1) Rà soát, tổng hợp đánh giá, đề xuất các nội dung góp ý sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới: Luật Quy hoạch đô thị; Luật Xây dựng; Luật Kiến trúc; các Nghị định, Thông tư có liên quan; Các quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch và các văn bản pháp luật khác theo lĩnh vực quản lý.

(2) Rà soát, đề xuất với cấp thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung Luật Thủ đô, đề xuất với Trung ương ban hành một số cơ chế, chính sách đáp ứng yêu cầu thực tiễn; nghiên cứu, đề xuất trình Chính phủ và các Bộ, Ngành Trung ương cho phép áp dụng một số cơ chế chính sách đặc thù về công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch đảm bảo kiểm soát không gian kiến trúc, cảnh quan của Thủ đô Hà Nội.

(3) Hoàn thiện các quy định về lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ đồ án; quản lý theo quy hoạch xây dựng, đô thị; quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng, đô thị trên địa bàn Thành phố.

(4) Thực hiện đề án xây dựng bộ dữ liệu, thống kê của ngành quy hoạch, xây dựng phục vụ cho công tác tổ chức lập, thẩm định quy hoạch.

(5) Xây dựng Hướng dẫn việc bố trí nguồn vốn ngân sách cho công tác lập quy hoạch và Hướng dẫn lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch phù hợp với quy định hiện hành.

(6) Xây dựng, bổ sung bộ quy chuẩn địa phương về quy hoạch, kiến trúc trên địa bàn Thành phố; Xây dựng quy định về cách tính dân số, số người/căn hộ trong các loại hình nhà ở, văn phòng - khách sạn có lưu trú (*Condotel, officetel, biệt thự nghỉ dưỡng*) trên địa bàn Thành phố. Nghiên cứu, ban hành hướng dẫn cách tính toán bố trí cây xanh trên địa bàn Thành phố.

(7) Thực hiện Đề án nghiên cứu, hướng dẫn nội dung các đồ án quy hoạch xây dựng, đô thị, thiết kế đô thị, quy chế quản lý kiến trúc, thống nhất trên địa bàn Thành phố.

(8) Xây dựng cẩm nang hướng dẫn công tác quản lý quy hoạch, kiến trúc trên địa bàn Thành phố.

(9) Xây dựng quy trình, quy định về việc chấp thuận tổng mặt bằng, phương án kiến trúc, dự án đầu tư xây dựng có quy mô nhỏ hơn 5ha (*<2ha đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở chung cư*) không phải lập quy hoạch chi tiết 1/500 nhằm tạo công cụ thực hiện các bước tiếp theo lập, thực hiện dự án đầu tư xây dựng, tăng cường kiểm soát không gian kiến trúc cảnh quan trên địa bàn Thủ đô.

(10) Sửa đổi, ban hành Quy định về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố, bảo đảm phù hợp pháp luật hiện hành (*trong đó, đề xuất biện pháp kiểm soát năng lực của nhà đầu tư; cần xác định ngay chủ đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng đối với các hạng mục công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, không giao chủ đầu tư phối hợp với địa phương rà soát xác định trong giai đoạn sau; đảm bảo phương án đầu tư đầy đủ, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phục vụ cho dự án và khu vực xung quanh...*); Xây dựng các cơ chế khuyến khích các nhà đầu tư, doanh nghiệp đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

(11) Xây dựng công cụ quản lý không gian ngầm, không gian trên cao, không gian mặt nước gắn với quá trình triển khai dự án đầu tư.

### **1.2. *Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và kiện toàn bộ máy***

(1) Tiếp tục cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết từ khâu thẩm định, trình duyệt quy hoạch, chuẩn bị đầu tư dự án, từ thiết kế đến thẩm định, phê duyệt và giải phóng mặt bằng. Xác định rõ người, rõ việc, rõ quy trình, tiến độ, rõ trách nhiệm, rõ hiệu quả của từng cấp, từng ngành, từng cá nhân, người đứng đầu trong giải quyết công việc.

(2) Xây dựng và thực hiện đề án kiện toàn chức năng nhiệm vụ của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

(3) Xây dựng đề án đánh giá, phân loại năng lực của Phòng quản lý đô thị các quận, huyện, thị xã phục vụ cho công tác phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng, đô thị.

(4) Từng bước nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức quản lý quy hoạch các cấp nước bắt kịp với công nghệ, trình độ của các nước tiên tiến thông qua việc tăng cường trao đổi, hợp tác, nghiên cứu khoa học.

(5) Kiểm soát năng lực của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tư vấn thiết kế quy hoạch xây dựng, kiến trúc. Xây dựng quy trình, kiểm soát chặt chẽ thực hiện cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc theo quy định của Luật Kiến trúc và Nghị định số 85/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

### *1.3. Tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ trong công tác quy hoạch, thông tin quy hoạch và quản lý quy hoạch*

(1) Xây dựng danh mục các đơn vị tổ chức hành nghề tư vấn thiết kế quy hoạch xây dựng, kiến trúc, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước.

(2) Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin kiểm soát và xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng, đất đai, các khu vực có tranh chấp, khiếu kiện về xây dựng, đất đai; Đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý, chính quyền địa phương thường xuyên, định kỳ hàng quý.

### *1.4. Công tác tuyên truyền và kiểm tra*

(1) Đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật, công khai công bố quy hoạch, tạo sự đồng thuận, nâng cao ý thức, trách nhiệm của cá nhân, tổ chức và cộng đồng trong việc chấp hành pháp luật, tham gia quản lý, giám sát và đấu tranh có hiệu quả đối với các vi phạm pháp luật trong công tác quy hoạch và quản lý thực hiện theo quy hoạch.

(2) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm, kịp thời, triệt để các tổ chức cá nhân vi phạm hành chính trong công tác tổ chức lập và triển khai xây dựng theo quy hoạch.

(3) Phát huy vai trò giám sát của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương trong công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch.

## **2. Về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường**

(1) Tiếp tục kiện toàn bộ máy cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường từ Thành phố đến cấp quận, huyện, xã phường.

(2) Lập quy hoạch sử dụng đất, bảo vệ môi trường lồng ghép quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố đảm bảo phù hợp với các quy hoạch chuyên ngành khác.

(3) Đẩy mạnh công tác đấu giá quyền sử dụng đất, tạo nguồn thu để xây dựng kết cấu hạ tầng của Thành phố.

(4) Tăng cường quản lý, kiểm tra công tác quản lý đất đai, tài nguyên môi trường, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm.

(5) Tăng cường phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, ngăn chặn các nguồn gây ô nhiễm, suy thoái môi trường; cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường; tăng cường công tác quản lý chất thải.

### 3. Về chủ động phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó biến đổi khí hậu

#### 3.1. Công tác phòng, chống thiên tai

(1) Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy định, hướng dẫn của Trung ương và Thành phố trong công tác phòng, chống thiên tai (xác định thiệt hại, mức hỗ trợ thiệt hại do thiên tai; trình tự, quy trình thực hiện thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ từ Quỹ phòng, chống thiên tai Thành phố; cơ chế, chính sách, chế độ cho những người làm công tác phòng, chống thiên tai và lực lượng xung kích phòng chống thiên tai...).

(2) Rà soát, hoàn thiện và tổ chức thực hiện đúng, hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án của Trung ương và Thành phố trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai. (Thực hiện Quy hoạch hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình, sông Đáy tại các Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/12/2016 và Quyết định số 1821/QĐ-TTg ngày 07/10/2014 của Thủ tướng Chính Phủ...).

(3) Tiếp tục triển khai đồng bộ nhiều biện pháp nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai xảy ra: Tăng cường công tác tuyên truyền. Triển khai đồng bộ, ứng dụng khoa học, công nghệ vào công tác chỉ đạo, điều hành, dự báo, cảnh báo. Rà soát, đề xuất bổ sung, nâng cấp trang thiết bị, công cụ hỗ trợ phục vụ công tác vào chương trình, kế hoạch hàng năm. Xây dựng, rà soát, cập nhật phương án, kế hoạch phòng chống thiên tai, lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai và quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội.

(4) Xây dựng chương trình, đề án triển khai thực hiện Chỉ thị số 42/CT-TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

(5) Điều chỉnh, tiếp tục thực hiện Đề án “*Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng*” đến năm 2025 và các năm tiếp theo. Bổ sung thêm nhiều nguồn tư liệu, nhiều hình thức thông tin tuyên truyền; đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong các trường học và tới các cộng đồng dễ bị tổn thương.

(6) Triển khai thực hiện các giải pháp công trình theo các Quy hoạch, Kế hoạch phòng, chống thiên tai; Kế hoạch đầu tư công và các chương trình, đề án, dự án khác của Trung ương và Thành phố được phê duyệt (*tiếp tục thực hiện Dự án nạo vét sông Nhuệ, sông Đáy, thực hiện các hạng mục Chương trình nâng cấp đê sông; Triển khai thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030;...*)

### 3.2. Công tác cứu hộ cứu nạn

(1) Điều tra, rà soát các khu vực đã và thường chịu tác động của thiên tai như ngập lụt, lũ, lũ quét, sạt lở và sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, mưa đá... mà ở đó có các công trình, cơ sở, phương tiện giao thông có quy mô, tính chất nguy hiểm cháy, nổ cao, hóa chất độc hại và các khu dân cư tập trung nhiều nhà làm bằng vật liệu dễ cháy, chung cư cao tầng để thống kê, thực hiện đầy đủ chế độ kiểm tra thường xuyên, đột xuất việc bảo đảm các điều kiện an toàn Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; rà soát phương án chữa cháy, phương án cứu nạn, cứu hộ và hướng dẫn các cơ sở, khu dân cư duy trì thường trực của lực lượng Phòng cháy, chữa cháy cơ sở, dân phòng, định kỳ hàng năm thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phải có tình huống cứu nạn, cứu hộ đối với các sự cố, tai nạn do thiên tai gây ra.

(2) Tiếp tục thực hiện: Chỉ thị số 24-CT/TU ngày 31/10/2018 của Thành ủy về nâng cao trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân trong công tác Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn Thành phố; Kế hoạch thực hiện Quyết định số 630/QĐ-TTg ngày 11/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

(3) Làm tốt công tác phân tích, dự báo tình hình, ban hành các văn bản chỉ đạo trong công tác quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có trọng tâm, trọng điểm. Chỉ đạo tăng cường sự phối hợp giữa Công an Thành phố và các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị, Nghị quyết của Thành ủy, HĐND Thành phố; Kế hoạch chuyên đề, chuyên sâu của UBND Thành phố trong công tác Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Chỉ đạo công tác tổ chức tuyên truyền, tập huấn, triển khai thực hiện Nghị định của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Công an trong công tác Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đã được sửa đổi, bổ sung; Phân công, phân cấp rõ trách nhiệm quản lý nhà nước về Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với chính quyền cấp xã theo quy định. Tổ chức rà soát, củng cố, thành lập đội dân phòng tại các khu dân cư, thôn, xóm tổ dân phố đảm bảo cơ cấu, số lượng theo quy định của Luật.

(4) Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh đã được đầu tư xây dựng và khai thác sử dụng trước đây chưa đảm bảo các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định, thực hiện các giải pháp: Rà soát, sửa đổi Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND của HĐND Thành phố phù hợp với các quy định hiện hành và các văn bản hướng dẫn của các cấp Bộ, Trung ương; Tổ chức rà soát các quy

chuẩn, tiêu chuẩn và quy định về PCCC hiện hành báo cáo đề xuất Bộ Công an và các đơn vị liên quan chỉnh sửa, bổ sung những điểm chưa phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Rà soát, tiếp tục thực hiện lộ trình di dời các cây xăng, các cơ sở sản xuất kinh doanh, kho tàng, bến bãi có chứa nhiều chất gây cháy, nổ nằm xen kẽ trong khu vực đông dân cư ra khu vực an toàn.

(5) Tập trung giải quyết các tồn tại, bất cập trong công tác cấp nước PCCC; nghiên cứu đầu tư hoàn thiện tổng thể hệ thống cấp nước PCCC, trong đó xây dựng hệ thống cấp nước phục vụ PCCC độc lập với hệ thống cấp nước sinh hoạt; có biện pháp bảo vệ các công trình cấp nước, quy định, chế tài xử phạt đối với các hành vi xâm hại hệ thống cấp nước PCCC; bổ sung các công trình cấp nước PCCC còn thiếu như trụ nước, bể nước, hố thu nước, bến lấy nước chữa cháy... đặc biệt, tại khu vực đông dân cư, có tính chất nguy hiểm cháy, nổ và khu vực còn thiếu.

(6) Triển khai đồng bộ, hiệu quả các kế hoạch, phương án đảm bảo an toàn Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với các mục tiêu trọng điểm, các sự kiện chính trị, ngoại giao, các hoạt động văn hoá, thể thao, lễ hội lớn diễn ra trên địa bàn Thành phố; Tăng cường dự phối hợp giữa Công an Thành phố, Bộ Tư lệnh Thủ đô và các đơn vị liên quan tham gia diễn tập phương án khu vực phòng thủ hàng năm; các phương án ứng phó với các tình huống phức tạp về an ninh trật tự, các tình huống khủng bố, biểu tình, bất cóc con tin....

(7) Tăng cường công tác hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy; phối hợp với các đơn vị liên quan đẩy mạnh các hoạt động kiểm tra liên ngành; kịp thời phát hiện những tồn tại, thiếu sót để kiến nghị khắc phục, kiên quyết xử lý đối với các trường hợp vi phạm theo từng chuyên đề, lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy như: các khu chung cư, nhà cao tầng; cơ sở dịch vụ, vui chơi giải trí, tập trung đông người; các cơ sở trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề; cơ sở sản xuất, kho hàng hóa; các khu vực rừng... Công khai các đơn vị, tổ chức, cá nhân không chấp hành quy định về Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên các phương tiện thông tin đại chúng.

(8) Nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng công tác Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; xây dựng, tổ chức diễn tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ để chủ động giải quyết, xử lý hiệu quả các vụ cháy, nổ lớn, sự cố, tai nạn phức tạp có thể xảy ra. Tăng cường phối hợp giữa Công an Thành phố với các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan: Xây dựng phương án kịp thời xử lý, khắc phục khẩn trương và hiệu quả các tình huống cháy, nổ, sự cố thảm họa, cứu nạn, cứu hộ; Tổ chức các buổi hội thảo khoa học theo từng lĩnh vực quản lý liên quan đến công tác Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

### 3.3. Công tác ứng phó với biến đổi khí hậu

Cập nhật, cụ thể hóa Kịch bản biến đổi khí hậu; Thực hiện kiểm kê quốc gia khí nhà kính định kỳ 02 năm một lần; thực hiện các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính trong các ngành, lĩnh vực và theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu

## Phần thứ ba TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### I. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

#### 1. Ban Thường vụ Thành ủy

Chỉ đạo cấp ủy đảng, chính quyền, MTTQ và tổ chức chính trị - xã hội các cấp của Thành phố tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình. Hằng năm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình ở các tổ chức đảng trực thuộc, các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị của Thành phố; tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm công tác triển khai thực hiện Chương trình vào cuối năm và tổng kết Chương trình vào năm 2025.

#### 2. Ban chỉ đạo Chương trình

Xây dựng quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ trong Ban chỉ đạo Chương trình. Tham mưu giúp Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy trong việc chỉ đạo thực hiện các nội dung Chương trình. Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Chương trình ở các cấp ủy trực thuộc, các sở, ban, ngành, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; định kỳ đánh giá sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy.

#### 3. Đảng đoàn HĐND Thành phố

Cụ thể hóa nội dung Chương trình vào các nghị quyết chuyên đề, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; quyết định theo thẩm quyền một số cơ chế, chính sách có đặc thù; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quy hoạch, xây dựng và quản lý đô thị; định kỳ giám sát việc thực hiện của các cơ quan, đơn vị của Thành phố.

#### 4. Ban Cán sự Đảng UBND Thành phố

Chỉ đạo các cấp, các ngành xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện Chương trình; phân công chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các nội dung chương trình, các đề án, kế hoạch công tác, các công trình, dự án

trọng điểm đã xác định; xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù để Thành ủy và HĐND Thành phố quyết định theo thẩm quyền.

### **5. Các Ban Đảng và Văn phòng Thành ủy**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tham mưu giúp Ban Thường vụ Thành ủy chỉ đạo các cơ quan liên quan làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung Chương trình, phối hợp hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá việc chỉ đạo thực hiện Chương trình ở các quận, huyện, thị ủy và Đảng ủy trực thuộc Thành ủy, các cấp, các ngành của Thành phố, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy kết quả thực hiện Chương trình.

### **6. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, Ban Thường vụ Thành đoàn**

Tổ chức tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, đoàn viên, hội viên, các hiệp hội nghề nghiệp và các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình. Tổng hợp tình hình thực tiễn và các ý kiến phản ánh của nhân dân, đề xuất Thành ủy, UBND Thành phố chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung kịp thời trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình.

Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị nhằm tạo sự nhất trí và đồng thuận cao của xã hội.

Công khai, tuyên truyền từ khâu quy hoạch, tiến độ và các bước thực hiện; đối với những công trình trọng điểm và ở nơi có khó khăn cần tổ chức tuyên truyền, nắm bắt tư tưởng trước khi triển khai thực hiện.

### **7. Các cấp ủy trực thuộc Thành ủy; các sở, ban, ngành Thành phố; cấp ủy và chính quyền địa phương**

Tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng đến cấp ủy, đơn vị, đến đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức về nội dung Chương trình; xây dựng các kế hoạch, đề án, dự án cụ thể để triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình; chịu trách nhiệm trước Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố về việc chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung Chương trình thuộc phạm vi lĩnh vực được phân công phụ trách; chủ động, kịp thời tham mưu, đề xuất Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố các giải pháp để tháo gỡ khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình;

Hàng năm, tiến hành kiểm tra, đánh giá sơ kết, rút kinh nghiệm kết quả việc tổ chức thực hiện Chương trình, báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy và tổng kết Chương trình vào năm 2025.



## II. LỘ TRÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Năm 2021:** Tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung chương trình đến các cấp ủy và các cơ quan, đơn vị trong toàn Thành phố; xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện trong cả nhiệm kỳ; triển khai nghiên cứu, xây dựng các kế hoạch, đề án, dự án, chuyên đề, cụ thể hóa thực hiện Chương trình.

**Năm 2021 đến năm 2024:** Tập trung tổ chức thực hiện các đề án, dự án, chuyên đề, kế hoạch công tác; tổ chức kiểm tra, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình hàng năm; sơ kết thực hiện Chương trình.

**3. Năm 2025:** Tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng kết kết quả thực hiện Chương trình./.

### Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (để báo cáo),
- Ban Thường vụ Thành ủy,
- Đảng đoàn HĐND Thành phố,
- Ban cán sự đảng UBND Thành phố,
- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Thành phố,
- Các ban đảng, Văn phòng Thành ủy,
- Các cấp ủy đảng trực thuộc Thành ủy,
- Các sở, ban, ngành Thành phố,
- Các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố,  
Ban Thường vụ Thành đoàn,
- Các đồng chí Thành ủy viên,
- Các đ/c Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy,
- Lưu VPTU. *maud*

T/M THÀNH ỦY  
BÍ THƯ



**Vương Đình Huệ**





Phụ lục 1.1  
Kế hoạch lập quy hoạch chủ yếu  
(Giai đoạn 2021-2025)

| Stt | Tên Quy hoạch  | Đơn vị tổ chức thực hiện                    | Kinh phí dự kiến (triệu đồng) | Thời gian dự kiến |
|-----|--|---|-------------------------------|-------------------|
| A   | <b>Quy hoạch theo Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14</b>   |   |                               |                   |
| 1   | Quy hoạch thành phố thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2045   | Sở Kế hoạch và Đầu tư                       | (*)                           | 2021-2022         |
| B   | <b>Quy hoạch xây dựng, đô thị</b>  |   |                               |                   |
| I   | <b>Quy hoạch đô thị</b>  |   |                               |                   |
| I.1 | <b><i>Quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đô thị</i></b>                                |   |                               |                   |
| 2   | Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (có xét đến yếu tố thuê tư vấn nước ngoài hỗ trợ) | Sở Quy hoạch - Kiến trúc                    | (*)                           | 2021-2022         |
| 3   | Rà soát Điều chỉnh Quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050                                | Sở Giao thông vận tải                       | 5.000                         | 2021-2022         |
| 4   | Quy hoạch chung không gian ngầm khu vực đô thị trung tâm   | Sở Quy hoạch - Kiến trúc                    | 24.000                        | Quý IV/2021       |
| 5   | Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật   | Sở Xây dựng                                 | (*)                           | 2021-2022         |
| 6   | Quy hoạch bến xe, bãi đỗ xe, trung tâm tiếp vận và trạm dừng nghỉ trên địa bàn Thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050     | Sở Giao thông vận tải                       | (*)                           | 2021              |
| 7   | Hoàn thành các Quy hoạch phân khu đô thị khu vực nội đô lịch sử H1-1 (A,B,C), H1-2, H1-3, H1-4                                   | Sở Quy hoạch - Kiến trúc                    | 15.000                        | Quý I/2021        |
| 8   | Hoàn thành Quy hoạch phân khu đô thị sông Đuống  | Viện Quy hoạch xây dựng                     | 3.000                         | Quý IV/2021       |
| 9   | Hoàn thành Quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng   | Viện Quy hoạch xây dựng                     | 6.500                         | Quý IV/2021       |
| 10  | Quy hoạch phân khu thuộc các đô thị vệ tinh  | UBND huyện, thị xã; Viện Quy hoạch xây dựng | (*)                           | 2021-2022         |

| Stt        | Tên Quy hoạch  | Đơn vị tổ chức thực hiện                                 | Kinh phí dự kiến (triệu đồng) | Thời gian dự kiến   |
|------------|--|--|-------------------------------|---|
| <b>I.2</b> | <b><i>Quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị</i></b>  |  |                               |   |
| 11         | Thiết kế đô thị trong khu vực nội đô lịch sử (các quận Ba Đình, Hoàn Kiếm, Tây Hồ, Đống Đa, Hai Bà Trưng)  | UBND các quận  | (*)                           | 2021-2022   |
| 12         | Thiết kế các cầu qua sông Hồng   | Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông Thành phố | (*)                           | 2021-2022   |
| 13         | Quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị các khu dân cư làng xóm hiện có, cải tạo chỉnh trang, các khu vực hai bên tuyến đường giao thông                                       | UBND các quận, huyện, thị xã                             | (*)                           | 2021-2025   |
| <b>I.3</b> | <b><i>Quy hoạch xây dựng</i></b>   |  |                               |   |
|            | <b><i>Quy hoạch xây dựng vùng</i></b>  |  |                               |   |
| 14         | Quy hoạch xây dựng vùng huyện (Gia Lâm, Mê Linh, Sóc Sơn, Đan Phượng, Thường Tín, Phú Xuyên, Thạch Thất, Quốc Oai, Mỹ Đức, Thanh Oai, Ứng Hòa, Phúc Thọ, Chương Mỹ, Ba Vì) | UBND các huyện   | 50.000                        | 2021-2022   |
|            | <b><i>Quy hoạch xây dựng khu chức năng</i></b>   |  |                               |   |
| 15         | Quy hoạch phân khu xây dựng các khu chức năng du lịch Ba Vì - Suối Hai   | UBND huyện Ba Vì   | 25.000                        | 2021-2025<br>(sau khi có ý kiến đồng ý của Thủ tướng Chính phủ) |
| 16         | Quy hoạch phân khu xây dựng một số khu chức năng du lịch tại Sơn Tây, Sóc Sơn, Thạch Thất,...  | UBND các huyện, Thị Xã                                   | 10.000                        | 2021-2023   |
| 17         | Quy hoạch phân khu xây dựng một số khu chức năng giáo dục - y tế, nghiên cứu đào tạo, công nghiệp,...  | UBND các huyện, thị xã                                   | 10.000                        | 2021-2025   |
| <b>I.4</b> | <b><i>Lập hồ sơ cắm mốc</i></b>  |  |                               |   |
| 18         | Triển khai lập hồ sơ cắm mốc một số các tuyến đường, các tuyến hạ tầng kỹ thuật khung, các khu vực cắm xây dựng theo quy hoạch được duyệt                                  | UBND các quận, huyện, thị xã, các chủ đầu tư dự án ĐTXD  | 20.000                        | 2021-2025   |
| <b>B</b>   | <b><i>Các quy hoạch chuyên ngành, mạng lưới</i></b>  |  |                               |   |

| Stt | Tên Quy hoạch   | Đơn vị tổ chức thực hiện               | Kinh phí dự kiến (triệu đồng) | Thời gian dự kiến |
|-----|---|--|-------------------------------|-------------------|
| 19  | Quy hoạch mạng lưới đường sắt đô thị, các điểm TOD tích hợp với sử dụng đất   | Ban Quản lý Đường sắt đô thị Hà Nội    | (*)                           | 2021-2022         |
| 20  | Rà soát, xây dựng mạng lưới các cơ sở y tế đảm bảo nghiên cứu, đào tạo, khám chữa chất lượng cao.   | Sở Y tế                                | (*)                           | Quý IV/2021       |
| 21  | Rà soát, xây dựng mạng lưới giáo dục phổ thông, giáo dục dạy nghề; xây dựng phát triển mô hình trường đào tạo liên cấp...   | Sở Giáo dục                            | (*)                           | Quý IV/2021       |
| 22  | Rà soát, xây dựng mạng lưới giáo dục dạy nghề   | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội     | (*)                           | Quý IV/2021       |
| 23  | Rà soát, xây dựng mạng lưới thiết chế văn hóa, thể thao   | Sở Văn hóa                             | (*)                           | Quý IV/2021       |
| 24  | Rà soát quy hoạch, nghiên cứu, xây dựng các cơ chế nhằm đẩy nhanh việc đầu tư hệ thống công viên, cây xanh theo phương thức xã hội hóa...   | Sở Xây dựng                            | (*)                           | Quý IV/2021       |
| 25  | Xây dựng Bản đồ, cơ sở dữ liệu hiện trạng và dự báo các điểm tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn Thành phố  | Ban Tôn giáo                           | (*)                           | Quý IV/2021       |
| 26  | Hoàn thiện, điều chỉnh phương án quy hoạch rừng trên địa bàn Thành phố làm cơ sở cắm mốc định ranh giới các loại rừng ngoài thực địa để quản lý rừng bền vững theo quy định (xác định các vùng sản xuất, hệ sinh thái và thực vật cần bảo vệ) | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | (*)                           | 2021-2023         |
| 27  | Xác định các vùng an toàn lương thực  | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | (*)                           | 2021-2023         |

(\*) Thực hiện theo các Luật chuyên ngành, Thông tư hướng dẫn xác định chi phí của các Bộ, ngành trên cơ sở quy mô cụ thể trong quá trình thực hiện



Phụ lục 1.2

Các Chương trình, kế hoạch, đề án, dự án chủ yếu  
về công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch  
(Giai đoạn 2021-2025)

-----

| Stt      | Tên chương trình, đề án, kế hoạch chủ yếu  | Đơn vị chủ trì                      | Đơn vị phối hợp  | Kinh phí dự kiến (triệu đồng) | Dự kiến hoàn thành                  |
|----------|--|-------------------------------------|--|-------------------------------|-------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Hoàn thiện cơ chế, chính sách, xây dựng công cụ quản lý quy hoạch</b>   |                                     |  |                               |                                     |
| 1        | Quy định về tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý theo quy hoạch xây dựng, đô thị   | Sở Quy hoạch - Kiến trúc            | Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã, Viện QHXD | -                             | Quý III/2021                        |
| 2        | Quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng, đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội   | Sở Quy hoạch - Kiến trúc            | Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã, Viện QHXD | -                             | Quý III/2021                        |
| 3        | Quy định quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn Thành phố  | Sở Kế hoạch và Đầu tư               | Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, Thị xã            | -                             | Quý IV/2021                         |
| 4        | Quy chế quản lý kiến trúc các đô thị và các điểm dân cư nông thôn trên địa bàn Thành phố   | Sở Quy hoạch - Kiến trúc            | Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã, Viện QHXD | (*)                           | Sau khi có hướng dẫn cụ thể của BXD |
| 5        | Hướng dẫn công tác bố trí nguồn vốn, giải ngân, thanh quyết toán cho công tác quy hoạch xây dựng, đô thị (từ nguồn vốn ngân sách)                                      | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính | Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, Thị xã            | -                             | Quý II/2021                         |
| 6        | Nghiên cứu, xây dựng, bổ sung bộ quy chuẩn địa phương về quy hoạch, kiến trúc trên địa bàn Thành phố   | Sở Quy hoạch - Kiến trúc            | Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã, Viện QHXD | -                             | 2021-2022                           |
| 7        | Đề án nghiên cứu, hướng dẫn về quy trình, nội dung các đồ án quy hoạch xây dựng, đô thị, thiết kế đô thị, quy chế quản lý kiến trúc, thống nhất trên địa bàn Thành phố | Sở Quy hoạch - Kiến trúc            | Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã, Viện QHXD | -                             | Quý IV/2021                         |

| Stt       | Tên chương trình, đề án, kế hoạch chủ yếu  | Đơn vị chủ trì                        | Đơn vị phối hợp  | Kinh phí dự kiến (triệu đồng) | Dự kiến hoàn thành |
|-----------|--|---------------------------------------|--|-------------------------------|--------------------|
| 8         | Quy định về cách tính dân số, số người/căn hộ trong các loại hình nhà ở chung cư, chung cư hỗn hợp, văn phòng - khách sạn có lưu trú (Condotel, officetel, biệt thự nghỉ dưỡng) trên địa bàn Thành phố.  | Sở Quy hoạch - Kiến trúc              | Các Sở, ban ngành và UBND các Quận, Huyện, Thị xã, Viện QHXD   | -                             | 2021-2022          |
| 9         | Quy định về việc chấp thuận Tổng mặt bằng, phương án kiến trúc các dự án đầu tư xây dựng có quy mô nhỏ hơn 5ha (<2ha đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở chung cư) không phải lập quy hoạch chi tiết 1/500, nhằm rút ngắn thời gian lập dự án, tăng cường kiểm soát không gian kiến trúc cảnh quan trên địa bàn Thủ đô | Sở Quy hoạch - Kiến trúc              | Các Sở, ban ngành và UBND các Quận, Huyện, Thị xã, Viện QHXD   | -                             | Quý IV/2021        |
| 10        | Hướng dẫn cách tính toán, bố trí cây xanh trên địa bàn Thành phố   | Sở Công thương                        | Các sở ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã   | -                             | Quý II/2021        |
| 11        | Chương trình phát triển đô thị   | Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc | Các Sở, ban ngành và UBND các Quận, Huyện, Thị xã, Viện QHXD   | 4.500                         | 2021 - 2022        |
| 12        | Giải pháp kiểm soát, phân bố dân số theo quy hoạch được duyệt  | Sở Nội vụ                             | Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Công an TP, Viện QHXD, Viện NC&PT Kinh tế - Xã hội và các đơn vị liên quan | -                             | 2022               |
| 13        | Xây dựng Danh mục công trình kiến trúc có giá trị (theo quy định của Luật Kiến trúc)   | Sở Quy hoạch - Kiến trúc              | Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã và các đơn vị liên quan                            | -                             | Quý IV/2021        |
| <b>II</b> | <b>Công tác xây dựng dữ liệu, công bố, thông tin quy hoạch</b>   |                                       |  |                               |                    |



| Stt                                 | Tên chương trình, đề án, kế hoạch chủ yếu   | Đơn vị chủ trì                                      | Đơn vị phối hợp                                   | Kinh phí dự kiến (triệu đồng) | Dự kiến hoàn thành        |
|-------------------------------------|---|---|---|-------------------------------|---------------------------|
| 14                                  | Dự án xây dựng Cung Triển lãm - quy hoạch Thành phố (Dự kiến tại Công viên tuổi trẻ, diện tích đất khoảng 01ha)   | Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TP | Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã | 500.000                       | 2023-2024                 |
| 15                                  | Đề án xây dựng phần mềm hệ thống tin quy hoạch (tiếp tục thực hiện)   | Sở Quy hoạch - Kiến trúc                            | Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã | 5.300                         | 2021-2025                 |
| 16                                  | Đề án xây dựng bộ dữ liệu, thống kê của ngành quy hoạch, xây dựng   | Cục Thống kê Hà Nội                                 | Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã | (*)                           | 2021-2022                 |
| 17                                  | Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu hợp nhất về quản lý quy hoạch - kiến trúc - xây dựng - phát triển đô thị trên toàn địa bàn Thành phố Hà Nội  | Viện Quy hoạch xây dựng                             | Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã | (*)                           | 2021-2025                 |
| 18                                  | Xây dựng danh mục các đơn vị tổ chức hành nghề tư vấn thiết kế quy hoạch, xây dựng, kiến trúc, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước  | Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Xây dựng               | Các đơn vị liên quan                              | -                             | 2021 và các năm tiếp theo |
| 19                                  | Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin kiểm soát và xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng, đất đai, các khu vực có tranh chấp, khiếu kiện về xây dựng, đất đai (Đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý, chính quyền địa phương) | Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường            | Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã | -                             | 2021 và các năm tiếp theo |
| <b>III Kiện toàn tổ chức bộ máy</b> |   |   |   |                               |                           |
| 20                                  | Đề án kiện toàn chức năng nhiệm vụ Sở Quy hoạch - Kiến trúc   | Sở Nội vụ   | Sở Quy hoạch - Kiến trúc                          | -                             | Quý II/2021               |

| Stt | Tên chương trình, đề án, kế hoạch chủ yếu  | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp                                   | Kinh phí dự kiến (triệu đồng) | Dự kiến hoàn thành |
|-----|--|----------------|---|-------------------------------|--------------------|
| 21  | Đề án đánh giá, phân loại năng lực của Phòng quản lý đô thị các quận, huyện, thị xã phục vụ cho công tác phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng, đô thị  | Sở Nội vụ      | Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã | -                             | Quý IV/2021        |
| 22  | Rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy đơn vị tổ chức lập các loại quy hoạch (quy hoạch theo Luật Quy hoạch 2017; quy hoạch xây dựng, đô thị theo Luật Xây dựng và Luật Quy hoạch đô thị) | Sở Nội vụ      | Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã | -                             | Quý III/2021       |

(\*) Thực hiện theo các Luật chuyên ngành, Thông tư hướng dẫn xác định chi phí của các Bộ, ngành trên cơ sở quy mô cụ thể trong quá trình thực hiện

Phụ lục 2

Các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án chủ yếu về quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường

(Giai đoạn 2021-2025)

| STT | Tên Chương trình, đề án, kế hoạch chủ yếu   | Đơn vị chủ trì              | Đơn vị phối hợp                                   | Kính phí dự kiến (tỷ đồng) | Thời gian dự kiến |
|-----|---|-----------------------------|---|----------------------------|-------------------|
| I   | <b>Về quản lý, sử dụng tài nguyên đất đai</b>   |                             |   |                            |                   |
| 1   | Sửa đổi, bổ sung các quy định của UBND Thành phố cho phù hợp với Nghị định số 148/NĐ-CP ngày 08/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở ngành và các quận, huyện, thị xã liên quan | -                          | 2021              |
| 2   | Tổng kết thi hành Luật Đất đai 2013; Đề xuất, kiến nghị, sửa đổi, bổ sung những nội dung của Luật Đất đai và các pháp luật khác liên quan.  | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở ngành và các quận, huyện, thị xã liên quan | -                          | 2021              |
| 3   | Chi thị về nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025                                       | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở ngành và các quận, huyện, thị xã liên quan | -                          | 2021              |
| 4   | Lập Kế hoạch sử dụng đất 5 năm giai đoạn 2021-2025 thành phố Hà Nội   | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở ngành và các quận, huyện, thị xã           | 7                          | 2021-2022         |
| 5   | Xây dựng hồ sơ địa chính tổng thể và cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn Thành phố   | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở ngành và các quận, huyện, thị xã           | 1.403                      | 2021              |
| 6   | Tăng cường công tác quản lý đất đai, đẩy nhanh tiến độ cấp GCN quyền sử dụng đất cho các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn Thành phố  | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các quận, huyện, thị xã                           | -                          | 2021-2022         |

| STT | Tên Chương trình, đề án, kế hoạch chủ yếu  | Đơn vị chủ trì              | Đơn vị phối hợp  | Kính phí dự kiến (tỷ đồng) | Thời gian dự kiến |
|-----|--|-----------------------------|--|----------------------------|-------------------|
| 7   | Điều tra, đánh giá tài nguyên đất trên địa bàn Thành phố: Kiểm kê đất đai năm 2025; Cập nhật và bổ sung thoái hóa đất, chất lượng đất, tiềm năng đất đai, phân hạng đất đai phục vụ quy hoạch phát triển bền vững thành phố Hà Nội | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các quận huyện thị xã  | 4                          | 2023-2024         |
| 8   | Xây dựng cơ chế tăng cường, đa dạng hóa các nguồn vốn để tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất, tạo quỹ nhà ở tái định cư và quỹ nhà ở xã hội   | Sở Tài chính                | Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở ngành liên quan              | -                          | 2021-2022         |
| 9   | Rà soát, đề xuất các giải pháp quản lý sử dụng có hiệu quả quỹ đất có nguồn gốc từ nông trường, lâm trường, trạm trại trên địa bàn Thành phố (trong đó có quản lý sử dụng rừng Sóc Sơn).   | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các quận huyện thị xã  | -                          | 2021-2022         |
| 10  | Danh mục nhà, đất phải di dời theo quy hoạch và danh mục di dời cơ sở sản xuất công nghiệp không phù hợp quy hoạch hoặc gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu vực nội thành Hà Nội  | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Quy hoạch kiến trúc và các quận huyện thị xã                    | -                          | 2021-2022         |
| 11  | Kế hoạch thanh tra, kiểm tra đối với các dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các dự án chậm triển khai  | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở ngành, quận huyện thị xã                                    | -                          | Hàng năm          |
| 12  | Thực hiện thanh tra; hậu kiểm các Kết luận thanh tra trong quản lý, sử dụng đất nông nghiệp, đất nông nghiệp công ích và đất công trên địa bàn Thành phố   | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các quận huyện thị xã  | -                          | Hàng năm          |
| 13  | Đề án đánh giá tiềm năng, đề xuất các giải pháp quản lý, sử dụng, khai thác có hiệu quả quỹ đất bãi bồi ven sông trên địa bàn Thành phố  | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và các Sở ngành, quận huyện | -                          | 2022              |

| STT       | Tên Chương trình, đề án, kế hoạch chủ yếu   | Đơn vị chủ trì                         | Đơn vị phối hợp                 | Kính phí dự kiến (tỷ đồng) | Thời gian dự kiến |
|-----------|---|--|---------------------------------|----------------------------|-------------------|
|           |   |  | thị xã                          |                            |                   |
| 14        | Thực hiện xác định, khoanh vùng, công bố vùng bảo vệ an toàn, an ninh nguồn nước thành phố Hà Nội   | Sở Tài nguyên và Môi trường            | Các quận huyện thị xã           | 2                          | 2021-2023         |
| <b>II</b> | <b>Công tác bảo vệ môi trường</b>   |  |                                 |                            |                   |
| 15        | Đề án thu gom, xử lý chất thải nguy hại Thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng 2030  | Sở Tài nguyên và Môi trường            | Các Sở ngành, quận huyện thị xã | 12                         | 2021-2025         |
| 16        | Đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy giai đoạn 2021 - 2025  | Sở Tài nguyên và Môi trường            | Các Sở ngành, quận huyện thị xã | 5                          | 2021-2025         |
| 17        | Đề án phân loại rác thải tại nguồn trên địa bàn Thành phố   | Sở Tài nguyên và Môi trường            | Các Sở ngành, quận huyện thị xã | 400                        | 2021 - 2025       |
| 18        | Đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông Cầu Bậy – Bắc Hưng Hải giai đoạn 2021-2025   | Sở Tài nguyên và Môi trường            | Các Sở ngành, quận huyện thị xã | 5                          | 2021 - 2025       |
| 19        | Đề án nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát chất lượng không khí, kiểm soát phóng xạ trên địa bàn Thành phố   | Sở Tài nguyên và Môi trường            | Các Sở ngành, quận huyện thị xã | 800                        | 2021 - 2025       |
| 20        | Đề án “Tăng cường quản lý phương tiện giao thông đường bộ nhằm giảm ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020 tầm nhìn 2030”  | Sở Giao thông vận tải                  | Các Sở ngành liên quan          | -                          | 2021-2022         |
| 21        | Đề án “Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm, cán bộ quản lý các cấp và các chủ rừng, cộng đồng dân cư trên địa bàn Thành phố Hà Nội” | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các quận huyện thị xã           | -                          | 2021-2022         |

| STT | Tên Chương trình, đề án, kế hoạch chủ yếu   | Đơn vị chủ trì              | Đơn vị phối hợp                 | Kính phí dự kiến (tỷ đồng) | Thời gian dự kiến |
|-----|---|-----------------------------|---------------------------------|----------------------------|-------------------|
| 22  | Tổng kết thi hành Luật Bảo vệ môi trường 2014 và triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020  | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở ngành, quận huyện thị xã | -                          | 2021-2022         |
| 23  | Rà soát điều chỉnh các khu xử lý chất thải tập trung theo quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 609/QĐ-TTg ngày 25/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở ngành, quận huyện thị xã | 5                          | 2021-2025         |

Phụ lục 3

Các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án chủ yếu về công tác phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó biến đổi khí hậu (Giai đoạn 2021-2025)

-----

| TT | Nội dung thực hiện  | Đơn vị chủ trì  | Đơn vị phối hợp                                   | Kinh phí dự kiến (triệu đồng) | Thời gian hoàn thành |
|----|---|---|---|-------------------------------|----------------------|
| I  | <b>Lĩnh vực Phòng, chống thiên tai</b>  |   |   |                               |                      |
| 1  | Danh mục Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025   | Sở Nông nghiệp và PTNT; Ban QLDA ĐTXD công trình NN và PTNT; UBND các quận, huyện, thị xã | Các sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã | 47.263.865                    | 2021-2025            |
| -  | <i>Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 (15 dự án gồm 02 dự án trọng điểm, 10 dự án thủy lợi, 03 dự án đề điều)</i> |   |   | 2.877.767                     |                      |
| -  | <i>Các dự án khởi công giai đoạn 2021-2025 (166 dự án gồm 06 dự án trọng điểm, 112 dự án thủy lợi, 42 dự án đề điều)</i>    |   |   | 44.386.098                    |                      |
| 2  | Tăng cường năng lực quản lý cải thiện chất lượng nước, bảo vệ môi trường  | Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Thủy lợi)   | Các sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã | 36.500                        | 2021-2025            |
| 3  | Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về công tác phòng, chống thiên tai   | Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục PCTT)   | Các sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã | 50.000                        | 2021-2025            |
| 4  | Cải tạo chống xuống cấp, duy tu, bảo dưỡng đề điều thường xuyên   | Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục PCTT)   | Các sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã | 1.000.000                     | 2021-2025            |

| TT        | Nội dung thực hiện   | Đơn vị chủ trì  | Đơn vị phối hợp                                   | Kinh phí dự kiến (triệu đồng) | Thời gian hoàn thành |
|-----------|--|---|---|-------------------------------|----------------------|
| 5         | Xử lý cấp bách công trình đề điều, thủy lợi phòng chống thiên tai  | Sở Nông nghiệp và PTNT; Ban QLDA ĐTXD công trình NN và PTNT; UBND các quận, huyện, thị xã | Các sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã | 1.500.000                     | 2021-2025            |
| 6         | Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2021-2025   | Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục PCTT)   | Các sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã | 40.000                        | 2021-2025            |
| 7         | Xây dựng chương trình (đề án) để triển khai, thực hiện Chỉ thị số 42/CT-TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai. | Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục PCTT)   | Các sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã | 25.000                        | 2021-2025            |
| 8         | Đề án “Nâng cao năng lực quản lý Nhà nước về công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm, cán bộ quản lý các cấp và các chủ rừng, cộng đồng dân cư trên địa bàn thành phố Hà Nội”         | Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)   | Các sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã | 25.702                        | 2021-2025            |
| <b>II</b> | <b>Lĩnh vực cứu hộ cứu nạn</b>   |   |   |                               |                      |
| 9         | Trang bị phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN  | Bộ Tư lệnh Thủ đô   | Các sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã | 212.645                       | 2022-2025            |
| 10        | Đầu tư phương tiện   | Công an   |   |                               |                      |



| TT   | Nội dung thực hiện  | Đơn vị chủ trì              | Đơn vị phối hợp         | Kinh phí dự kiến (triệu đồng) | Thời gian hoàn thành |
|--|---|-----------------------------|-------------------------|-------------------------------|----------------------|
|  | Xe chữa cháy dưới hầm ngầm (2 đầu) -1 xe  | Thành phố                   |                         | 60,000                        |                      |
|  | Xe xử lý sự cố hóa chất, sự cố phóng xạ loại lớn (1 xe)                           |                             |                         | 50.000                        |                      |
|  | Xe trạm bơm công suất lớn   |                             |                         | 90.000                        |                      |
|  | Thiết bị lặn (gồm 20 chi tiết) - 144 bộ   |                             |                         | 68.300                        |                      |
|  | Trang bị phương tiện, thiết bị ứng phó sự cố, thiên tai, cứu hộ, cứu nạn.         |                             |                         | 30.000                        |                      |
|  | Xây dựng phần mềm quản lý công tác PCCC&CNCH                                      |                             |                         | 10.000                        |                      |
| 11   | Đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ CC&CNCH chuyên sâu cho lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH | Công an Thành phố           |                         |                               |                      |
| Đào tạo lặn cho CBCS (cấp chứng chỉ)                                     |   |                             | 2.000                   |                               |                      |
| Huấn luyện nghiệp vụ CC&CNCH trong không gian hạn chế (mỗi năm mở 1 lớp) |   |                             | 2.000                   |                               |                      |
| Huấn luyện chuyên sâu bơi, lặn cứu nạn, cứu hộ (mỗi năm mở 1 lớp)        |   |                             | 2.000                   | 2022-2025                     |                      |
| Bể lặn có mô hình CNCH dưới nước (dài 7m, rộng 7m, sâu 7m)               |   |                             | 5.000                   |                               |                      |
| Mô hình nhà liền kề 3 tầng phục vụ công tác học tập, tập luyện           |   |                             | 1.500                   |                               |                      |
| <b>III</b>   | <b>Lĩnh vực ứng phó với biến đổi khí hậu</b>                                      |                             |                         |                               |                      |
| 12   | Kiểm kê phát thải khí nhà kính định kỳ 02 năm một lần trên địa bàn Thành phố      | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở, ngành Thành phố | -                             | 2021-2023            |
| 13   | Thực hiện các Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.                               | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở, ngành Thành phố | -                             | 2021-2025            |
| 14   | Thực hiện Kế hoạch Quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030,   | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở, ngành Thành phố | -                             | 2021-2025            |

| TT | Nội dung thực hiện   | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Kinh phí dự kiến (triệu đồng) | Thời gian hoàn thành |
|----|--|----------------|-----------------|-------------------------------|----------------------|
|    | tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20/7/2020; Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ. |                |                 |                               |                      |